

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 04/5/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân K, bà Lê Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án ND huyện Thái Thụy.

Đại diện VKSND huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với:

*** Các bị cáo:** 1. Họ và tên: **ĐINH CÔNG M** - Sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn P, xã U, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đinh Công A và bà Nguyễn Thị B; Vợ: Phạm Thị C và 2 con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 06/8/2018 bị Công an huyện Thái Thụy ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

- Nhân thân: Năm 2007 và 2008 bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2011 bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2018. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN D** - Sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị S; Có vợ là Quách Thị M và 2 con.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **TRẦN THÁI P** - Sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Con ông Trần Quang V và bà Vũ Thị L; Có vợ là Trần Thị T và 2 con
- Tiền án, tiền sự: Không;
Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Công ty Y. Địa chỉ: Quốc lộ xx, xã Q, huyện L, TP. Hải Phòng.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn R - Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tống Minh Q - Ban quản lý dự án, trú tại thôn X, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt).
* **Người làm chứng:** Ông Trịnh Văn N, sinh năm 1963, Trú tại xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 16/11/2018, Đinh Công M, Nguyễn Tiến D, Trần Thái P cùng Lại Tiến T, sinh năm 1986 ở xã Tam Hưng, Thủy Nguyên, Hải Phòng và Nguyễn Văn K sinh năm 1995 ở xã Thái Học, Thái Thụy, Thái Bình ngồi chơi tại bãi phế liệu của T ở thôn Tân Minh, xã Mỹ Lộc, Thái Thụy, Thái Bình. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T nói với M “về lấy xe lôi đi chở sắt phế liệu”. M hiểu ý T là đi trộm cắp phế liệu. M điều khiển chiếc xe mô tô Exciter màu xanh, biển kiểm soát 29Y2 – 138.88 chở D, K về nhà M lấy 1 xe lôi tự chế ra buộc vào đuôi xe mô tô của M rồi điều khiển xe chở D, K kéo theo xe lôi đi theo hướng xã Mỹ Lộc. Đang đi thì M nhận được điện thoại của T hẹn đến khu vực cổng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 chờ T. Khoảng 1 giờ ngày 17/11/2018 M, D, K đến chỗ hẹn thì gặp T điều khiển xe mô tô Sirius màu đen chở Phúc, sau xe T có kéo theo 1 xe lôi tự chế. Tại đây, T chỉ tay vào đồng phế liệu của công ty Y nói với M, D, K “tôn ở kia chúng mày lấy đi, anh bốc sắt, chúng mày bốc tôn”. Thấy T nói vậy, M tháo xe lôi buộc ở sau xe mô tô của M, kéo đến đồng phế liệu, T cũng tháo xe lôi buộc sau xe mô tô của T kéo đến đồng phế liệu, còn D đứng ngoài cảnh giới. Sau khi M, K bốc được 14 tấm tôn màu xanh lên xe thì M kéo xe lôi, K đẩy phía sau đến chỗ xe mô tô của M thì bị ông Nhân, là bảo vệ của nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 phát hiện hô không được lấy. D điều khiển xe chở M kéo theo xe lôi chở tôn chạy về hướng xã Thái Thọ, K quay lại chỗ T, P. Lúc này T, P đã bốc được 8 (tám) xà gồ bằng sắt hình chữ V lên xe lôi của T. Khi nghe tiếng hô, T kéo xe lôi, P, K đẩy phía sau đến vị trí xe mô tô của T, T điều khiển xe mô tô chở P ngồi sau kéo xe lôi chở sắt chạy về hướng xã Thái Thọ, K chạy bộ theo sau. Khi chạy được khoảng 500m thì bị lực lượng công an bảo vệ trung tâm điện lực Thái Bình phát hiện nên M, D đã bỏ xe lôi chở tôn lại, chạy về khu chợ mới xã Mỹ Lộc. T và P cũng bỏ xe lôi chở sắt lại rồi chạy về bãi phế liệu của T. Tổ tuần tra đã tiến hành lập biên bản quản lý 2 xe lôi và toàn bộ số

tôn và sắt trên xe chuyển cho Công an huyện Thái Thụy. Ngày 26/11/2019 M bị bắt. Khám nhà M, cơ quan điều tra thu giữ 1 xe mô tô biển kiểm soát 29Y2 – 138.88, 1 điện thoại, 1 quần, 1 áo của M.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 26/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thái Thụy kết luận: 14 tấm tôn màu xanh, kích thước mỗi tấm dài 5,34m, rộng 1,07m đã qua sử dụng. Tổng trọng lượng 280kg trị giá 2.520.000 đồng, 8 thanh xà gồ bằng sắt hình chữ V, kích thước 5x5cm, dài 5m và 5 đoạn sắt hộp vuông kích thước 3x3cm, dài 5,45m đã qua sử dụng, tổng trọng lượng 520kg trị giá 3.790.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 6.316.000 đồng.

Quá trình điều tra, M, D, P đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Lại Tiến T và Nguyễn Văn K đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ số tài sản các bị cáo chiếm đoạt cho bị hại - Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Y, bị hại đã nhận đủ, không yêu cầu, đề nghị gì.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 19/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Đinh Công M, Nguyễn Tiến D và Trần Thái P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Công M từ 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Tiến D và Trần Thái P mỗi bị cáo mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tuyên trả lại bị cáo M 1 chiếc xe lô, 1 chiếc điện thoại di động 1 quần sooc, 1 áo khoác, trả lại D 1 quần dài.

Các bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Đơn trình báo và lời khai của đại diện bị hại - anh Tống Minh Q; Báo cáo nội dung sự việc

của Đoàn công an bảo vệ trật tự điện lực Thái Bình; Các biên bản thu giữ, quản lý vật chứng; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường; Các biên bản nhận dạng và bản ảnh nhận dạng; Bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 26/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy; Đơn trình báo, lời khai của người làm chứng - ông Trịnh Văn N cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo đều nhận thức được việc thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Tài sản do các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 6.316.000 đồng.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu và tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[5] Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[6] Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo M chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nên giữ vai trò thứ nhất. P, D cùng thực hiện hành vi phạm tội như nhau nên có vai trò ngang nhau, cùng xếp thứ hai trong vụ án.

[7] Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D và P phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cả ba bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[8] Bị cáo M có nhân thân xấu nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, cho cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện. Đối với bị cáo D và P có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ cần cho các bị cáo tự cải tạo tại địa phương để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, tích cực cải tạo để trở thành người lương thiện. Các bị cáo đều không có công việc ổn định, thu nhập thấp, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: 1 chiếc xe lôi của bị cáo M dùng vào việc phạm tội nhưng xe đó là tài sản chung của gia đình, các thành viên trong gia đình không biết việc M dùng xe đó để chở tài sản trộm cắp nên cần trả lại cho gia đình M. 1 chiếc điện thoại di động, 1 quần, 1 áo của bị cáo M, 1 quần của bị cáo D không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

[11] Lại Tiến T và Nguyễn Văn K, sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã và quyết định tách vụ án để xử lý sau cùng với vật chứng của T là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, không phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Các bị cáo Đinh Công M, Nguyễn Tiến D và Trần Thái P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo ***Đinh Công M 1 (một) năm tù***. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam 26/11/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt ***Nguyễn Tiến D 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo***, thời gian thử thách 1 (một) năm, tính từ ngày tuyên án, ngày 04/5/2019.

Xử phạt ***Trần Thái P 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo***, thời gian thử thách 1 (một) năm, tính từ ngày tuyên án, ngày 04/5/2019.

Giao bị cáo D cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo P cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả bị cáo M 1 chiếc xe lôi, 1 chiếc điện thoại di động, 1 quần, 1 áo. Trả bị cáo D 1 quần dài. Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận ngày 19/3/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Đinh Công M, Nguyễn Tiến D và Trần Thái P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, với các bị cáo tính từ ngày tuyên án 04/5/2019, với bị hại tính từ ngày Tòa tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lưu Toàn Nghĩa